TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 42/2025/HNGĐ-PT
Ngày 17 - 12 - 2025
V/v "ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên toà: ông Lê Quan Rin - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc *"ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn";*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2025/QĐXX-PT ngày 03 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đình S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 15 đường H, phường T, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị Diệu P, sinh năm 1986; Địa chỉ: K131/32 đường L, phường T, thành phố Đà Nẵng (có mặt);

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Đình S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Đình S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Thái Thị Diệu P xây dựng gia đình và chung sống với nhau từ năm 2013, đến ngày 30/9/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống và đến năm 2019 thì vợ chồng chuyển về sống cùng gia đình ông tại địa chỉ

số 15 đường H, phường T, thành phố Đà Nẵng. Cũng trong năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về vấn đề tài chính và cách nuôi dạy con cái. Đồng thời giữa gia đình hai bên cũng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được khiến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con. Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông và bà P đã sống ly thân khoảng 07 tháng nay, cả 03 con chung đều sống cùng ông, do ông và ông bà nội trực tiếp chăm sóc và đưa đón đi học. Nay ông xác định vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và hôn nhân không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Thái Thị Diệu P.

Về con chung: Ông xác định ông và bà Thái Thị Diệu P có 03 con chung tên Lê Đình Bảo C, sinh ngày 16.3.2014, Lê Đình Bảo T, sinh ngày 30.11.2016 và Lê Đình Bảo Q, sinh ngày 27.02.2020. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Thái Thị Diệu P trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Đình S về thời gian chung sống và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống, bà xác nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, suy nghĩ, lối sống không hòa hợp, chồng bà luôn lo sợ nhiều điều, không kiên quyết trong những vấn đề của gia đình như về tài chính, công việc làm cũng như cách nuôi dạy con cái, bản thân bà cũng có những bất đồng khi sống cùng gia đình chồng mà không thể giải quyết được. Tuy vợ chồng có những mâu thuẫn chưa thể hòa giải được nhưng bà không đồng ý ly hôn, bà không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống, tâm sinh lý của các con, bà mong vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 03 con chung tên Lê Đình Bảo C, sinh ngày 16.3.2014, Lê Đình Bảo T, sinh ngày 30.11.2016 va Lê Đình Bảo Q, sinh ngày 27.02.2020. Vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên bà không có ý kiến về việc nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Với nội dung như trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2025/HNGĐ-ST ngày 08/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực B - Đà Nẵng, đã áp dụng vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình S về việc "ly hôn" đối với bà Thái Thị Diệu P;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2025, nguyên đơn ông Lê Đình S có đơn

kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cho ly hôn và giao các con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông S giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người các đương sự trình bày; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2025, nguyên đơn ông Lê Đình S nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo.

Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình S về việc đề nghị cho ông được ly hôn với bà Thái Thị Diệu P, thì thấy:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Đình S nêu lý do mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống về kinh tế gia đình, về việc nuôi dạy con, hơn nữa hai bên gia đình nội ngoại cũng mâu thuẫn nên dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được ly hôn bà P. Đối với bà P thì cho rằng bà và ông S đã chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay, cuộc sống hôn nhân đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa có gì trầm trọng; hiện nay vợ chồng đang nuôi 03 con còn nhỏ, con lớn nhất hiện nay mới 11 tuổi, kinh tế gia đình khó khăn, bà mong muốn ông S cùng bà chia sẻ và vượt qua những khó khăn trong cuộc sống để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con trưởng thành. Bà P tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà và ông S được đoàn tụ.

[3] Tính đến nay, ông S và bà P đã chung sống với nhau 12 năm và có 3 con chung. Hai bên đều thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xuất phát từ những khó khăn về kinh tế, vợ chồng phải nuôi dưỡng 3 con còn nhỏ nhưng hai bên không có sự cảm thông, gánh vác cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống để chăm lo nuôi dạy các con. Hiện nay 3 con của ông S và bà P đều còn nhỏ nên để không ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt và sự phát triển tâm sinh lý của các con sau này, xét thấy yêu cầu được đoàn tụ của bà P là hoàn toàn chính đáng, cần tạo điều

kiện cho ông S và bà P đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S đối với bà P là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình S, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Đình S nên ông S phải chịu phải án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đình S.

II. Giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực B - Đà Nẵng.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình S về việc "ly hôn" đối với bà Thái Thị Diệu P.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lê Đình S phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông S đã nộp theo Biên lai thu số 0000306 ngày 10.7.2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Đình S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lê Đình S đã nộp theo Biên lai thu số 0002485 (Ký hiệu: BLTU/25E) ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17-12-2025).

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;*
- *Tòa án nhân dân khu vực B- Đà Nẵng;*
- *Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;*
- *UBND phường T - Đà Nẵng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Phi Yến